

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh nội dung trong Quyết định phê duyệt trữ lượng
khoáng sản số 3742/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025; Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 về việc Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 3742/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa” (nay là xã Tống Sơn);

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh tên khoáng sản đi kèm của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn đề ngày 10/4/2026 nộp tại Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 793/TTr-SNNMT ngày 27/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung trong Quyết định số 3742/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung (nay là xã Tổng Sơn), tỉnh Thanh Hóa”, cụ thể như sau:

1. Tại khoản 2, khoản 3, Điều 1 Quyết định số 3742/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh có nội dung:

“2. *Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo:*

Tổng trữ lượng đá vôi cấp 121 + 122: 2.204.078 m³, trong đó:

- Cấp 121: 464.400 m³, trong đó có 13.235 m³ đá khối để xẻ.

- Cấp 122: 1.739.678 m³, trong đó có 49.582 m³ đá khối để xẻ.

3. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đi kèm đã tính trong báo cáo:

Trữ lượng đất làm vật liệu san lấp cấp 122: 195.918 m³. ”

Nay điều chỉnh lại như sau:

“2. *Công nhận trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo (khoáng sản chính) là: 2.141.261 m³, bao gồm:*

- Cấp 121: 451.165 m³;

- Cấp 122: 1.690.096 m³.

3. Các khoáng sản đi kèm:

- Đá vôi làm đá ốp lát: 62.817 m³, trong đó:

+ Trữ lượng cấp 121: 13.235 m³;

+ Trữ lượng cấp 122: 49.582 m³;

- Đất làm vật liệu san lấp cấp 122: 195.918 m³. ”

2. Tại khoản 5, Điều 1 Quyết định số 3742/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh có nội dung:

“- *Trữ lượng đá vôi cấp 121 + 122: 2.204.078 m³, trong đó có 62.817 m³ đá khối để xẻ. ”*

Nay điều chỉnh lại như sau:

“- *Trữ lượng đá vôi cấp 121 + 122: 2.204.078 m³, trong đó có 62.817 m³ đá vôi làm đá ốp lát. ”*

3. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 3742/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản

đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa”.

Điều 2. Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, thông tin trong báo cáo kết quả thăm dò bổ sung của đơn vị; Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các số liệu, nội dung trong hồ sơ thẩm định, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 3742/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Tổng Sơn; Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia;
- TT Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất;
- Lưu: VT, CN (T05.107).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

TỌA ĐỘ KHU VỰC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THẨM DÒ BỔ SUNG

Khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường

tại xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000 Kinh tuyến trực 105 ^{00'} , múi chiếu 3 ⁰	
	X(m)	Y(m)
1	2216616.83	584966.41
2	2216585.94	585090.41
3	2216458.00	585081.63
4	2216458.00	585258.95
5	2216390.10	585258.30
6	2216390.10	585170.40
7	2216316.04	585170.73
Diện tích: 4,16 ha		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường
tại xã Tổng Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất (m)	Trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (m ³)	Trữ lượng đá vôi làm đá ốp lát (m ³)	Trữ lượng đất làm vật liệu san lấp (m ³)	Ghi chú
1	1-121	+ 5,0	451.165	13.235	41.280	
Tổng 121			451.165	13.235	41.280	
2	1-122	+ 5,0	202.198	5.932	18.500	
3	2-122	+ 5,0	1.080.434	31.696	98.856	
4	3-122	+ 5,0	407.464	11.954	37.282	
Tổng 122			1.690.096	49.582	154.638	
121 + 122			2.141.261	62.817	195.918	
Tổng trữ lượng			2.399.996			